

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Xét Tờ trình số 3755/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra số 665/BC-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết số 95/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, thời kỳ ổn định ngân sách

2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng hết hiệu lực từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, Kỳ họp thứ 38 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ (b/c);
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Bế Thanh Tịnh

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên
Ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**
(Kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng cho năm ngân sách 2026 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
- Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản mới đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, nhà nước, Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp (bao gồm các tổ chức chính trị xã hội; các hội quần chúng do đảng, nhà nước giao nhiệm vụ); các đơn vị cấp tỉnh và các xã, phường (gọi chung là cấp xã).
- Các đơn vị sự nghiệp, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành; đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước

- Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Nghị quyết này là căn cứ để các cấp chính quyền địa phương xây dựng, phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch.
- Việc xây dựng hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh Cao Bằng; ưu tiên bố trí kinh phí cho các lĩnh vực quan trọng như lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, môi trường ... và cho địa bàn vùng cao, vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc ít người, có nhiều khó khăn.

3. Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước năm 2026, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm giai đoạn 2026 - 2028, kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 - 2030. Thúc đẩy từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

4. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.

5. Tiêu chí phân bổ ngân sách phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, kiểm tra và giám sát; bảo đảm công bằng, công khai và minh bạch. Đưa tối đa các khoản chi thường xuyên vào định mức chi quản lý hành chính của các đơn vị với yêu cầu triệt để tiết kiệm; giảm các khoản chi hội nghị, hội thảo, công tác phí.

6. Các tiêu chí chính để phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương là số biên chế được cấp thẩm quyền giao theo quy định, số đơn vị hành chính cấp xã, số tổ, xóm. Kết hợp các tiêu chí bổ sung phù hợp với thực tế từng lĩnh vực và đặc thù của từng đơn vị, địa phương. Trong năm điều hành ngân sách căn cứ vào khả năng ngân sách địa phương, nhu cầu nhiệm vụ phát sinh trong năm thuộc các lĩnh vực giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bổ sung kinh phí cho các cơ quan đơn vị, xã, phường và thực hiện quyết toán theo quy định.

Định mức phân bổ của ngân sách địa phương được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, bảo đảm chi lương, tiền thưởng, phụ cấp, các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở. Các chế độ chính sách thực hiện theo quy định hiện hành.

7. Định mức tại quy định này chưa tính các nguồn thu (thu sự nghiệp, thu khác) của các đơn vị. Hàng năm giao dự toán cho đơn vị sẽ trừ nguồn thu theo quy định.

Chương II

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 4. Chi quản lý hành chính

1. Đảm bảo quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.
2. Chi hoạt động bao gồm các khoản chi phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan như chi thanh toán dịch vụ công cộng; chi vật tư văn phòng phẩm; chi thông tin, liên lạc; chi công tác phí; chi cập nhật thông tin, cước phí hệ thống phần mềm và duy trì hoạt động trang Web, trang thông tin điện tử, kinh phí thuê tên miền và các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật; Kinh phí hoạt động sửa chữa bảo dưỡng máy móc trang thiết bị; Mua sắm trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác chuyên môn; Kinh phí xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO; chi hoạt động đảng, đoàn thể, hoạt động thanh tra. Chi phúc lợi tập thể, quỹ thi đua khen thưởng. Kinh phí tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

và hòa giải cơ sở. Xây dựng, hoàn thiện, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật. Kinh phí hoạt động đặc thù của các cơ quan, hoạt động Hội đồng nhân dân, hoạt động thường trực, kinh phí cho các Ban chỉ đạo, giám sát, phản biện, các hoạt động vì sự tiến bộ phụ nữ. Kinh phí lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội. Kinh phí chỉnh lý tài liệu, thống kê và các nhiệm vụ chi hoạt động khác theo phân cấp.

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
1	Cấp tỉnh: Các cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, nhà nước, Mặt trận tổ quốc Việt Nam (bao gồm các tổ chức chính trị xã hội; các hội quần chúng do đảng, nhà nước giao nhiệm vụ)	
	Định mức chi hoạt động cho 01 biên chế được cấp có thẩm quyền giao như sau:	Đơn vị: Triệu đồng/biên chế/năm
	Dưới 20 biên chế	38
	Từ 20 đến 40 biên chế	36
	Từ 41 đến 60 biên chế	32
	Trên 60 biên chế	31
	Đối với đơn vị từ 3 biên chế trở xuống được hỗ trợ bằng mức hoạt động của 4 biên chế.	
2	Cấp xã	
	Chi hoạt động trên số biên chế do cơ quan có thẩm quyền giao.	38

3. Hỗ trợ thêm hoạt động của các cơ quan sau:

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
1	Hỗ trợ hoạt động các cơ quan đặc thù	
	- Tỉnh ủy: hoạt động cấp ủy, hoạt động thường trực, các công tác khác	14.000 triệu đồng/năm
	- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc Hội và Hội đồng nhân dân tỉnh: hỗ trợ hoạt động Đoàn đại biểu quốc hội, hoạt động Hội đồng nhân dân và các nhiệm vụ đặc thù khác	12.000 triệu đồng/năm
	- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: hỗ trợ hoạt động điều hành chung	12.000 triệu đồng/năm
	- Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng: hỗ trợ hoạt động điều hành chung	4.000 triệu đồng/năm
2	Kinh phí thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và hòa giải cơ sở; xây	2.000 triệu đồng/năm

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
	dựng, hoàn thiện, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính do Sở Tư pháp thực hiện	
3	Bổ sung phục vụ hoạt động nhiệm vụ chung của xã, phường: bảo đảm hoạt động chung của toàn bộ khối cơ quan cấp xã, trong đó có hoạt động thường trực Đảng ủy, hoạt động Hội đồng nhân dân theo quy định, nhiệm vụ chung do Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan cấp xã thực hiện và các nhiệm vụ chung khác phát sinh trong năm (bao gồm cả Chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban mặt trận tổ quốc xã thực hiện).	1.000 triệu đồng/năm
	Ngoài định mức hỗ trợ trên phân bổ thêm như sau:	
	- Phường Thực Phán	200 triệu đồng/năm
	- Các xã: Trường Hà, Đàm Thủy	150 triệu đồng/năm
	- Tiêu chí tổ, xóm trên địa bàn xã, phường	10 triệu đồng/tổ, xóm

4. Phụ cấp đại biểu hội đồng nhân dân thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Hàng năm căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương bổ sung ngoài định mức đối với các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ trương và các nhiệm vụ phát sinh đột xuất của các cơ quan, đơn vị và nhiệm vụ đặc thù của một số cơ quan tổng hợp.

Điều 5. Sự nghiệp giáo dục

- Đảm bảo quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.
- Định mức chi hoạt động tính trên 01 biên chế được cấp có thẩm quyền giao như sau:

Đơn vị: Triệu đồng/biên chế/năm

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
1	Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông	22
2	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên; Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh	22

- Chi hoạt động giảng dạy và học tập bao gồm tiền công, tiền dạy vượt giờ; tiền điện; tiền nước; tiền vệ sinh môi trường; tiền nhiên liệu, vật tư văn phòng;

tiền điện thoại, báo chí, phần mềm; công tác phí, hội nghị, hội thảo; học phẩm cho giáo viên; sách thiết bị dùng cho chuyên môn; chi hoạt động giáo dục ngoài giờ; thi tuyển sinh, thi tốt nghiệp, thi học sinh giỏi, khen thưởng học sinh; kinh phí kiểm định chất lượng giáo dục, các hoạt động chuyên môn khác; chi mua sắm nhỏ, sửa chữa bảo trì tài sản phục vụ hoạt động chuyên môn; kinh phí thực hiện chế độ đối với giáo viên thể dục thể thao và giáo viên quốc phòng theo quy định; tiền công đối với hợp đồng lao động do đơn vị quyết định thuê làm công tác phục vụ trong nhà trường, ngoài chỉ tiêu biên chế và hợp đồng lao động do cấp có thẩm quyền giao và các khoản chi khác phục vụ dạy và học trong năm học.

3. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung gồm:

a) Các chương trình mục tiêu, chế độ chính sách thuộc lĩnh vực giáo dục thực hiện theo quy định hiện hành được xác định trên cơ sở số kiểm tra dự toán của các đơn vị về đối tượng, mức hỗ trợ theo văn bản quy định của cơ quan có thẩm quyền.

b) Trường Phổ thông Dân tộc nội trú: Hỗ trợ thực hiện các chế độ khác cho học sinh nội trú: 6 triệu đồng/học sinh/năm. Bao gồm tiền trang cấp hiện vật, tiền tàu xe, hỗ trợ học phẩm, sách giáo khoa, chi hoạt động văn thể, tiền điện nước phục vụ học tập và sinh hoạt và các nội dung khác theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

c) Trường Trung học Phổ thông chuyên: hỗ trợ thêm 6 triệu đồng/học sinh/năm học (quỹ học bổng theo quy định và các nội dung hỗ trợ khác).

d) Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh: chi trợ cấp cho trẻ em khuyết tật trong các tháng học ở Trung tâm mức 1.200 nghìn đồng/học sinh/tháng (trừ các đối tượng đã hưởng chính sách theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh Xã hội, Bộ Tài chính quy định về chính sách với người khuyết tật).

đ) Hỗ trợ Sở Giáo dục và Đào tạo chi nhiệm vụ sự nghiệp tập trung, các nhiệm vụ phát sinh khác thuộc lĩnh vực của ngành trên cơ sở phù hợp với khả năng ngân sách địa phương, trong đó ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện hỗ trợ ôn luyện và tham gia các cuộc thi học sinh giỏi cấp quốc gia trở lên.

e) Hỗ trợ các nhiệm vụ sự nghiệp tập trung tại phòng Văn hóa xã hội bằng 10% tổng chi hoạt động sự nghiệp giáo dục cấp xã. Tùy theo nhiệm vụ hàng năm các xã thống nhất với cơ sở trường học trích thêm từ hoạt động để lại phòng Văn hóa xã hội trên cơ sở nhiệm vụ sự nghiệp tập trung tại phòng.

g) Ngoài định mức phân bổ nêu trên, căn cứ vào khả năng ngân sách hàng năm, trên cơ sở nhu cầu thực tế ngân sách tỉnh sẽ hỗ trợ để thực hiện một nhiệm vụ phát sinh thuộc lĩnh vực giáo dục.

Điều 6. Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

1. Đảm bảo quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.
2. Định mức chi hoạt động tính trên 01 biên chế được cấp có thẩm quyền giao như sau:

Đơn vị: Triệu đồng/biên chế/năm

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
1	Trường chính trị Hoàng Đình Giông	34
2	Trường Cao đẳng Cao Bằng	24
3	Trung tâm chính trị cấp xã	23

3. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hàng năm thực hiện theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh và khả năng ngân sách địa phương giao cho các đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng.

Điều 7. Sự nghiệp y tế

1. Đảm bảo quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.
2. Định mức chi hoạt động tính như sau:

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
1	Phòng bệnh	Đơn vị: Triệu đồng/biên chế/năm
	Tuyển tỉnh	28
	Khoa phòng bệnh thuộc Trung tâm y tế	30
2	Chữa bệnh	Đơn vị: Triệu đồng/giường bệnh/năm
	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	22
	Bệnh viện Y học cổ truyền; Bệnh viện Đa khoa Quảng Uyên, Bệnh viện Đa khoa Trùng Khánh, Bệnh viện Đa khoa Hà Quảng	21
	Bệnh viện Tĩnh Túc, Trung tâm y tế	20
3	Y tế khác	Đơn vị: Triệu đồng/biên chế/năm
	Trung tâm Pháp y, Trung tâm kiểm nghiệm mỹ phẩm dược phẩm	28
	Trung tâm điều dưỡng người có công và chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	24
4	Y tế xã	
	Kinh phí hoạt động tại cơ sở trạm y tế xã	80 Triệu đồng/trạm/năm
5	Phần giảm chi thường xuyên sự nghiệp y tế theo điều chỉnh giá dịch vụ y tế, đơn vị lập phương án sử dụng theo thực tế.	

3. Các nội dung kinh phí thuộc lĩnh vực y tế như hỗ trợ công tác phòng chống dịch, tiền ăn đối với cán bộ vào điều trị tại khoa Nội A, kinh phí thực hiện

nhệm vụ khám sức khỏe định kỳ cho các đối tượng thuộc diện Tỉnh ủy và Trung ương quản lý. Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng, các nhiệm vụ mục tiêu y tế, dân số thực hiện theo quy định.

4. Ngoài định mức phân bổ nêu trên, căn cứ vào khả năng ngân sách tỉnh dành kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ chương trình phát sinh đột xuất khác thuộc lĩnh vực y tế. Trên cơ sở nhu cầu phát sinh thực tế Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ cụ thể cho đơn vị thực hiện.

Điều 8. Sự nghiệp: văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao, đảm bảo xã hội, kinh tế, sự nghiệp khác.

1. Đảm bảo quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.
2. Định mức chi hoạt động tính trên 01 biên chế được cấp có thẩm quyền giao như sau:

Đơn vị: Triệu đồng/biên chế/năm

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
1	Cấp tỉnh	
	Dưới 20 biên chế	26
	Từ 20 đến 40 biên chế	24
	Từ 41 đến 60 biên chế	23
	Trên 60 biên chế	22
2	Cấp xã	23

3. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung gồm:

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
1	Sự nghiệp văn hóa thông tin	
1.1	Cấp tỉnh	
	Chi hỗ trợ hoạt động văn hóa tuyên truyền	450 triệu đồng/năm
	Hỗ trợ kinh phí bổ sung đầu sách, tuyên truyền giới thiệu văn hóa sách báo, luân chuyển sách báo đến vùng sâu, vùng xa, các trường học	350 triệu đồng/năm
1.2	Cấp xã	
	Hỗ trợ hoạt động văn hóa, tuyên truyền, thư viện	85 triệu đồng/xã
	Ngoài định mức hỗ trợ trên phân bổ thêm như sau:	
	- Phở đi bộ Kim Đồng và phở đi bộ ven sông Bằng	50 triệu đồng/năm
	- Tiêu chí tổ, xóm trên địa bàn xã, phường	1 triệu đồng/tổ, xóm

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
1.3	Hỗ trợ hoạt động sự nghiệp văn hóa, thông tin của các đơn vị theo nhiệm vụ được giao và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.	
2	Sự nghiệp thể thao	
2.1	Cấp tỉnh	
	Hỗ trợ hoạt động phong trào thể thao	2.500 triệu đồng/năm
	Hỗ trợ chi phí mua vật dụng, sinh hoạt và mua sắm dụng cụ tập luyện cho các đội tuyển tại Trung tâm Đào tạo, thi đấu Thể thao và Nghệ thuật	500 triệu đồng/năm
2.2	Cấp xã: hỗ trợ hoạt động thể thao	55 triệu đồng/xã
	Ngoài định mức hỗ trợ trên phân bổ thêm như sau:	
	- Tiêu chí tổ, xóm trên địa bàn xã, phường	2 triệu đồng/tổ, xóm
2.3	Kinh phí tổ chức và tham gia các đại hội thể thao, các giải thi đấu thể thao trong tỉnh, các giải khu vực, toàn quốc và các hoạt động thể dục thể thao khác trên cơ sở chỉ tiêu được giao, chế độ quy định hiện hành và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh	
3	Sự nghiệp phát thanh truyền hình	
3.1	Báo và Phát thanh, truyền hình Cao Bằng	
	Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị truyền hình	1.500 triệu đồng/năm
	Hỗ trợ chi phí hoạt động: nhuận bút, tiền điện, xăng dầu, thuê vệ tinh theo tiêu chuẩn, thuê đường truyền viễn thông, thực hiện bản tin, thực hiện đề án nâng cao năng lực truyền thông; chi trả phí dịch vụ kênh truyền hình HD và các nhiệm vụ phát sinh trong năm	8.500 triệu đồng/năm
3.2	Cấp xã	
	Kinh phí sửa chữa, duy tu bảo dưỡng vận hành Trạm truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - Viễn thông	80 triệu đồng/trạm
4	Chi đảm bảo xã hội	
4.1	Cấp tỉnh	
4.1.1	Trung tâm bảo trợ xã hội: hỗ trợ hoạt động của trung tâm.	500 triệu đồng/năm
4.1.3	Trung tâm Điều dưỡng người có công: hỗ trợ hoạt động	300 triệu đồng/năm

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
4.1.4	Sở Nội vụ:	
	- Chi thăm hỏi các đối tượng người có công, văn nghệ sĩ tiêu biểu, đối tượng chính sách xã hội, người lao động, các đơn vị lực lượng vũ trang, trung tâm điều dưỡng, trung tâm giáo dưỡng nhân dịp tết nguyên đán; Đối tượng người có công nhân ngày 27/7 và các hoạt động xã hội khác.	2.000 triệu đồng/năm
4.2	Cấp xã	
4.2.1	Chi thăm hỏi Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 và Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến tổng khởi nghĩa tháng tám năm 1945, 01 lần/năm; Bà mẹ Việt nam anh hùng; Thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học: có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên (02 lần/năm)	1 triệu đồng/lần
4.2.2	Chi thăm hỏi các gia đình: liệt sĩ; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; người có công giúp đỡ cách mạng; người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học: có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 80% trở xuống (2 lần/năm)	0,5 triệu đồng/lần
4.2.3	Hỗ trợ thêm cho công tác đảm bảo xã hội	2 triệu đồng/năm/tổ, xóm
	Đối với các xã có mức thấp hơn 60 triệu đồng/năm được hỗ trợ bằng mức 60 triệu đồng/năm	
4.3	Đảm bảo xã hội khác	
	<p>- Ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí cho công tác chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 09/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.</p> <p>- Hỗ trợ cho công tác đảm bảo xã hội theo nhiệm vụ, kế hoạch được giao hàng năm và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.</p> <p>- Các nội dung không trong định mức phân bổ, giao trong dự toán hằng năm, mức hỗ trợ theo chế độ quy định gồm: Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 được sửa đổi, bổ sung bởi</p>	

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
	Nghị định số 76/2024/NĐ-CP của Chính phủ; Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; Kinh phí người có uy tín theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ	
5	Chi hoạt động kinh tế	
5.1	Chi sự nghiệp giao thông: sửa chữa thường xuyên	
	- Đường tỉnh lộ	
	+ Đường tỉnh nhóm 1, Đường nội bộ khu vực cửa khẩu và khu chức năng thuộc khu kinh tế cửa khẩu	35 triệu đồng/km
	+ Đường tỉnh nhóm 2	28 triệu đồng/km
	- Đường xã	
	+ Đường Võ Nguyên Giáp	56 triệu đồng/km
	+ Đường xã loại 1	28 triệu đồng/km
	+ Đường xã loại 2	3 triệu đồng/km
	- Chi sửa chữa đường tuần tra biên giới do địa phương quản lý	30 triệu đồng/km
	- Chi sửa chữa hệ thống cầu	1 triệu đồng/m
	- Đối với chi sửa chữa định kỳ đường giao thông, cầu, cống, mương thủy lợi và các nội dung chi sự nghiệp giao thông khác, căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí để thực hiện.	
5.2	Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính trên các địa bàn	
	Phường Thục Phán	20.000 triệu đồng/năm
	Phường Nùng Trí Cao	4.000 triệu đồng/năm
	Phường Tân Giang	3.000 triệu đồng/năm
	Các xã: Trùng Khánh, Trường Hà	2.000 triệu đồng/năm
	Các xã: Hòa An, Quảng Uyên, Phục Hòa, Đông Khê, Nguyên Bình, Bảo Lạc, Bảo Lâm, Hạ Lang	1.500 triệu đồng/năm
	Các xã: Tĩnh Túc, Trà Lĩnh, Thông Nông	1.000 triệu đồng/năm
	Các xã còn lại	500 triệu đồng/năm
	Trên cơ sở tổng kinh phí giao, các xã chủ động phân bổ cho các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ cho phù hợp với thực tế trên địa bàn	
5.3	- Chi sự nghiệp kinh tế khác còn lại như sự nghiệp nông, lâm nghiệp; thủy lợi, thủy sản; tài nguyên và sự nghiệp kinh tế khác không có định	

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
	<p>mức cụ thể: căn cứ theo chỉ tiêu kế hoạch giao của tỉnh, chế độ quy định hiện hành, hàng năm bố trí chi phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.</p> <p>- Kinh phí hỗ trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: trên cơ sở dự toán kinh phí miễn thu thủy lợi phí sẽ thực hiện bổ sung có mục tiêu cho các đơn vị thực hiện.</p> <p>- Chính sách hỗ trợ địa phương sản xuất lúa xác định trên cơ sở mức hỗ trợ và diện tích đất trồng lúa.</p>	

Điều 9. Sự nghiệp bảo vệ môi trường

Đơn vị: Triệu đồng/năm

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	4.000
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (khu vực Trung tâm hội nghị)	1.500
3	Ban Quản lý khu kinh tế	6.000
4	Địa bàn các xã, phường	
	Phường Thục Phán	25.000
	Phường Nùng Trí Cao	8.000
	Phường Tân Giang	7.000
	Các xã: Trùng Khánh, Trường Hà	2.000
	Các xã: Hòa An, Quảng Uyên, Đông Khê, Nguyên Bình, Bảo Lạc, Bảo Lâm, Hạ Lang	1.500
	Các xã: Tĩnh Túc, Phục Hòa, Trà Lĩnh, Thông Nông	1.000
	Các xã còn lại	300
	Trên cơ sở tổng kinh phí giao, các xã chủ động phân bổ thực hiện các nhiệm vụ môi trường hiệu quả, tiết kiệm phù hợp với thực tế trên địa bàn. Trong trường hợp phát sinh ngoài định mức, đánh giá sự cần thiết và căn cứ khả năng cân đối ngân sách Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện.	
5	Các nhiệm vụ bảo vệ môi trường khác theo phân cấp quản lý, kế hoạch Ủy ban nhân dân tỉnh giao trên cơ sở thực tế phát sinh và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.	

Điều 10. Sự nghiệp Khoa học và Công nghệ

Căn cứ dự toán hàng năm của Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ dự toán ngân sách, đảm bảo mức phân bổ tối thiểu bằng mức Trung ương giao cho địa phương hàng năm.

Ngoài ra căn cứ khả năng ngân sách địa phương và nhiệm vụ hằng năm, phân bổ nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đảm bảo phù hợp.

Điều 11. Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội

1. Đối với cấp tỉnh theo khả năng ngân sách hỗ trợ nhiệm vụ chi được phân cấp cho các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh; Kinh phí thực hiện theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 16/2025/NĐ-CP ngày 04/02/2025 của Chính phủ.

2. Đối với các xã hỗ trợ như sau:

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
1	Hỗ trợ đảm bảo nhiệm vụ chi quốc phòng, an ninh theo phân cấp	650 triệu đồng/xã, phường
2	Chi quốc phòng, an ninh biên giới đối với các xã biên giới	25 triệu đồng/km
	Đối với các xã có mức thấp hơn 200 triệu đồng/năm được hỗ trợ bằng mức 200 triệu đồng/năm	
	Trên cơ sở tổng kinh phí giao, các xã chủ động phân bổ cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh cho phù hợp với thực tế trên địa bàn	

3. Các nhiệm vụ khác thuộc lĩnh vực theo thực tế phát sinh và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

Điều 12: Các lĩnh vực còn lại

1. Chi hoạt động lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ theo số người có mặt trong phạm vi biên chế được cấp có thẩm quyền giao (trừ đơn vị sự nghiệp giáo dục):

a. Đảm bảo đủ tiền lương, phụ cấp lương và khoản đóng góp theo lương theo số người có mặt trong phạm vi biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

b. Định mức chi hoạt động: 10 triệu đồng/biên chế/năm.

2. Đối với hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của đơn vị sự nghiệp giáo dục, thực hiện chi từ nguồn kinh phí dự tuyển và nguồn thu học phí của đơn vị. Căn cứ tình hình triển khai thực hiện và khả năng cân đối ngân sách tỉnh sẽ bố trí phần kinh phí còn thiếu đối với các đơn vị không đủ đảm bảo.

3. Chi khác ngân sách của các cấp ngân sách phân bổ theo khả năng cân đối ngân sách địa phương.

4. Dự phòng ngân sách căn cứ vào kinh phí dự phòng trung ương phân bổ, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ dự phòng ngân sách địa phương hàng năm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước. /.